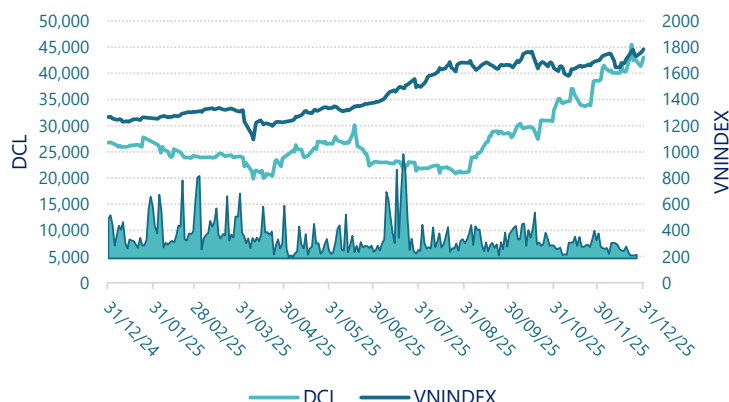


CTCP Dược phẩm Cửu Long (HSX: DCL)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	43,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,850
SL cổ phiếu LH	73,041,030
KLGD BQ 20 phiên (CP)	782,010
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,141
P/E	160.9
EPS	267

DT thuần

Q4/25

373

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 87.0 | 30.3%

YoY: ▼ 137 | -26.9%

LN sau thuế

Q4/25

3.79

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.58 | 166%

YoY: ▼ 15.3 | -80.1%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

6.3%

+/- YoY: ▼ 0.9%

DT thuần

2025

1,322

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 15.0 | 1.1%

LN sau thuế

2025

20.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 34.0 | -62.9%

ROE

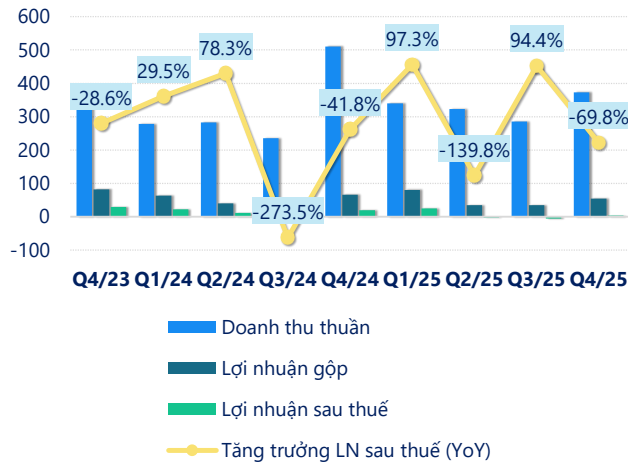
2025

1.3%

+/- YoY: ▼ 2.3%

tỷ VNĐ

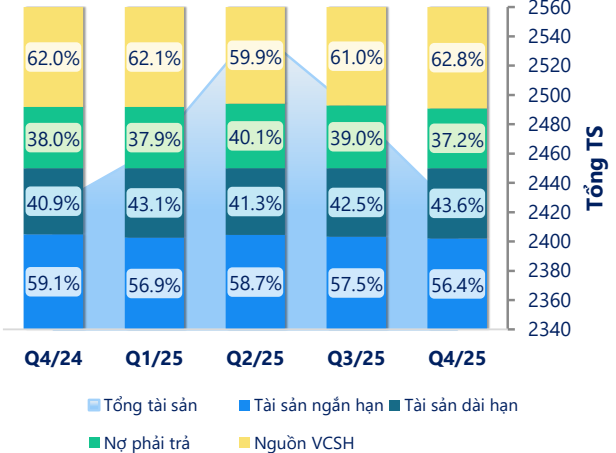
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

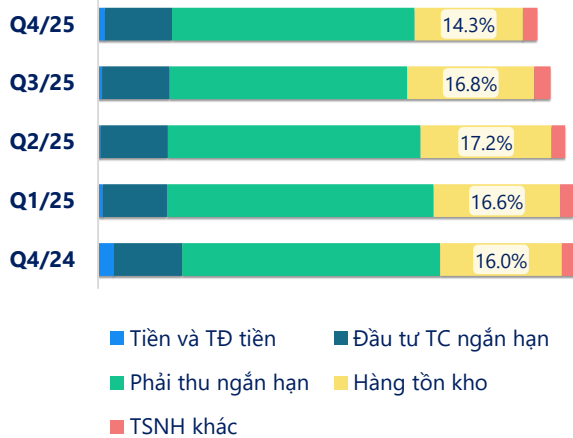
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



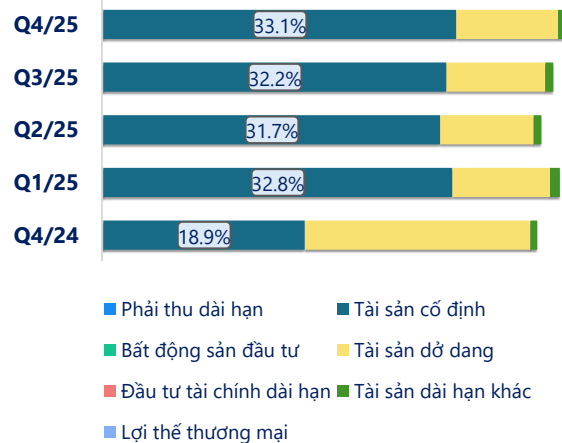
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

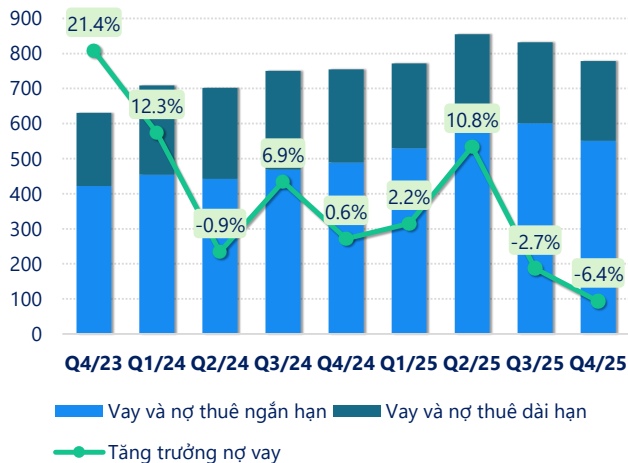
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

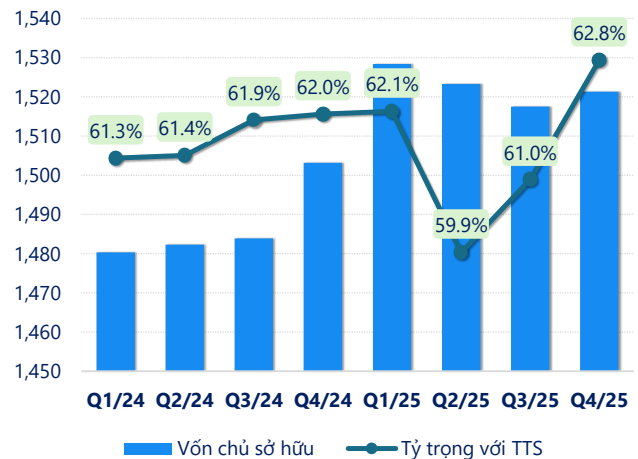
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

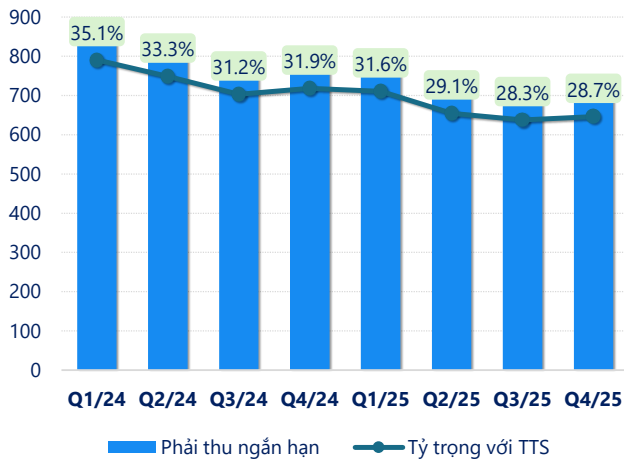
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



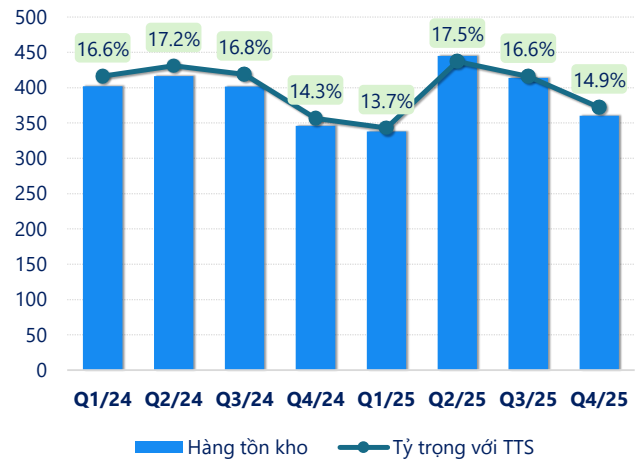
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


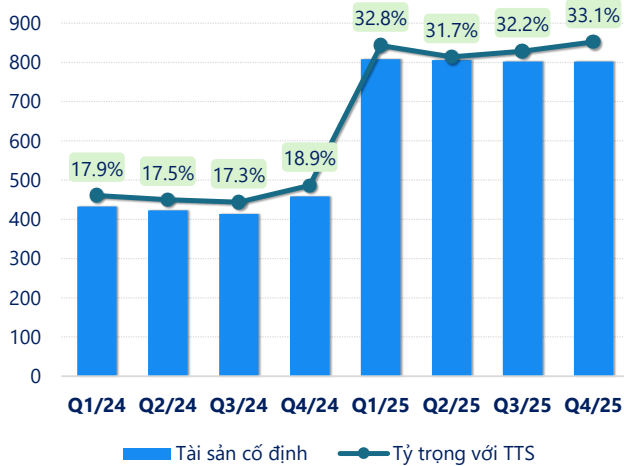
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


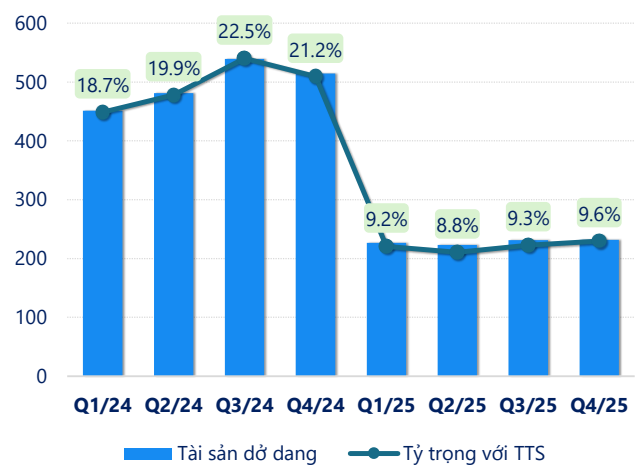
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

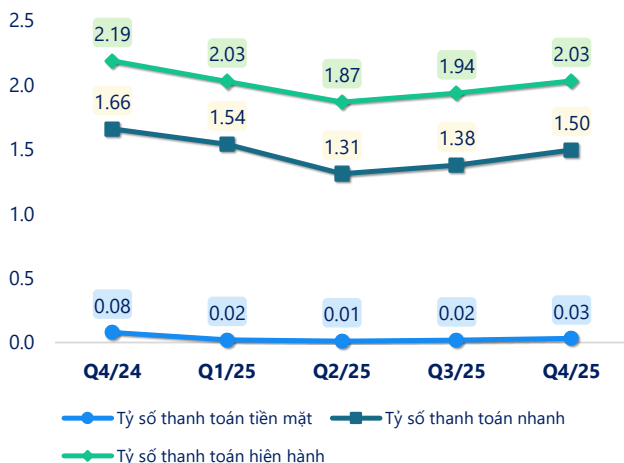
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

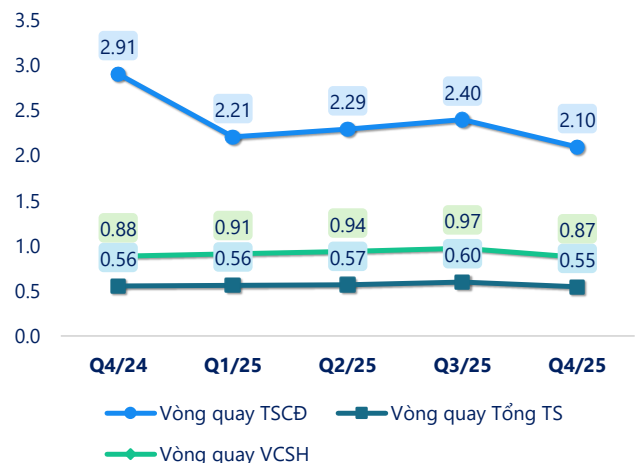
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,424	2,463	2,545	2,488	2,421
Tài sản ngắn hạn	1,432	1,403	1,493	1,432	1,365
Tiền và tương đương tiền	51.1	14.7	8.51	12.9	21.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	215	222	242	242	233
Phải thu ngắn hạn	774	778	741	705	695
Hàng tồn kho	346	338	445	414	360
Tài sản ngắn hạn khác	46.8	50.1	57.5	58.2	55.6
Tài sản dài hạn	992	1,060	1,052	1,056	1,055
Phải thu dài hạn	3.79	3.71	3.98	3.98	3.98
Tài sản cố định	458	808	806	802	802
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	514	226	223	231	232
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	15.7	22.5	18.7	19.3	17.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	921	935	1,022	971	899
Nợ ngắn hạn	655	692	800	740	672
Vay và nợ thuê ngắn hạn	489	530	633	601	551
Phải trả người bán ngắn hạn	105	113	124	89.7	67.5
Nợ dài hạn	266	243	222	231	227
Vay và nợ thuê dài hạn	266	242	222	231	227
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,503	1,528	1,523	1,517	1,521
Vốn chủ sở hữu	1,503	1,528	1,523	1,517	1,521
Vốn điều lệ	730	730	730	730	730
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)